= 1726- TÀI LIỆU LƯU TRỮ CỦA CÁC VƯƠNG TRIỀU TRƯỚC NGUYỄN, TỔN THẤT VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong kho tàng di sản văn tự Việt Nam, hầu như thiếu vắng nguồn tài liệu lưu trữ hinh thành thời các vương triều trước Nguyễn (Ngô, Đinh , Tiền Lê,LÝ, Trần, Hồ, Hậu Lê, Mạc, Tây Sơn ) với quảng thời gian gần10 thế kỷ- từ cuối thế kỷ 10 đến đầu thê kỷ 19 , khi vua Gia Long diệt nhà Tây Sơn và lập nên triều Nguyễn (1802 ). Hãy điểm qua các nguồn tài liệu bị tổn that:

**1. Tài liệu lưu trữ hinh thành trong hoạt động của bộ máy nhà nước các vương triều .**

Tài liệu hinh thành trong hoạt động của bộ máy nhà nước ở giai đoạn lịch sử này là văn bản chữ Hán với nhiều thể loại khác nhau, luật,chiêuhầu như đã bị mất mát và thất tán. Hiện không có một phông hay một khối tài liệu nào được lưu trữ trong các lưu trữ lịch sử quốc gia hay lưu trữ lịch sử tỉnh. Điều đáng nói là sự tổn thất không thể bù đắp này đa phần đã xảy ra dưới thời các vương triều này,i,tuy khó xác định được thời điểm cụ thể. Lê Quý Đôn( 1726 – 1784) nhà bác học nổi tiếng thời Lê trung hưng là người rất có ý thức sử dụng tài liệu lưu trữ trong biên chép sử sách đã không khỏi than vãn nuối tiếc trước tình trạng thiếu nguồn sử liệu này. Ông đã viết trong Lời tựa của cuốn Đại Việt thông sử do ông biên soạn :“ Than ôi ! Đức Khổng Phu tử khi muốn xét về đường lối chính trị của đời Hạ, đời Ân đã phải than rằng, giấy tờ của nước Kỷ, nước Tấn [ là dòng dõi của đời Hạ, đời Ân ] không còn đủ để nghiên cứu. Nhưng mà điển chương, giấy tờ đầy đủ của đời Tây Chu thì vẫn còn nhiều lắm, rõ lăm, Khổng tử còn có thể tra cứu được, có đến nỗi đâu như điển chương, giấy tờ của triều ta [triều Lê] “@( Đại Việt thông sử ) Đối với tài liệu của chính quyền các chúa Nguyễn ở Đàng Trong, cùng thời với Lê trung hưng ở Đàng Ngoài hàu như cũng cùng chung số phân Pôn Bude, giám đốc Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương đã viết trong tác phẩm ““Lưu trữ của các Hoàng đế An Nam và lịch sử An Nam” bằng tiếng Pháp của mình, rằng : Trong Kho lưu trữ Hoàng triều (kho lưu trữ của chính quyền Nam triều thời Pháp thuộc ), chỉ còn lưu giữ được 20 văn bản của thời các chúa Nguyễn. Trong đó có 7 chứng thư tái chấp thuận miễn sưu thuế cho dân làng Cồn Cát Phương do các chúa Nguyễn từ Nguyễn Phúc Trân (Ngãi Vương ) đến Nguyễn Phúc Thuần (Duệ Tôn ) ký chứng thực. Lý do được miễn là vì dân làng đã cung cấp thuyền cho Ngãi Vương trong chuyến đi Thuận Hóa, Đồng thời thay cho miễn sưu thuế, hàng năm dân làng phải cung cấp 100 đuôi cá khô, 10 hũ nước mắm, 100 dạ muối. @ (Pôn Bude).

**2. Tài liệu lưu trữ của các gia đình, dòng ho, đền miếu, chùa chiên, làng xã .**

Tài liệu hinh thành dưới thời phong kiến nói chung, giai đoạn phong kiến trước Nguyễn nói riêng do các gia đình, dòng họ,đền miếu, chùa chiền, làng xã lưu giữ chủ yếu là tài liệu Hán Nôm, gồm các loại phỗ biến: Gia phả, tộc phả, sắc phong chức tước, sắc phong thần (thần sắc ), thần tích, sổ đinh, sổ điền, hương ước, văn bia…

Gia phả, tộc phả, sắc phong chức tước cho người trong gia đình, dòng họ do gia đình hoặc tộc trưởng lưu giữ. Nói chung đã bị mất mát, hư hại khá nhiều bởi những nguyên nhân khác nhau. Tài liệu lưu trữ dòng họ thời trước nguyễn được bảo tồn đến nay đáng kể nhất là bộ Sưu tập tài liệu của dòng họ Trần, thôn Tân Phúc, xã Hưng Vĩnh, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh ; gồm tất cả 450 văn bảnvới nhiều thể loại nhu biên bản, công văn, thư từ trao đổi. Trong đó có nhiều văn bản thời trước Nguyễn với niên đại sớm nhất là năm Vĩnh Tộ thứ nhất (1619 ).Nội dung của sưu tập chủ yếu là S

Thần tích,sắc phong thần cho thành hoàng các địa phương thường được bảo quản trong các ống hoặc hộp gỗ sơn son thếp vàng, đặt ở hậu cung các đền miếu và giao cho chủ từ hay chức sắc làng xã trong coi.

Hương ước, sổ đinh, sổ điên thường giao cho xã trưởng quản lý để tiện việc tra cứu khi thu nộp thuế khóa, điều động nhân lực…

Văn bia của các đền miếu, chùa chiền, từ đường… đa phần được dựng ở ngoài trời, có mái che hoặc không. Cần nói thêm rằng, không phải tất cả, nhưng nhiều văn bia là tài liệu gốc, ghi chép tiểu sử, công tích… của các nhân vât được dòng họ, quê hương đất nước tôn thờ; hoặc ghi chép sự tích dền miếu, chuà chiền, từ đường và tài lực của những người tạo lập. Ví như hệ thống Văn bia Tiến sĩ ở Quốc Tử Giám (Hà Nội) mô tả 82 khoa thi Tiến sỹ và vinh danh 1043 học giả đỗ Tiến sỹ dưới thời Lê, Mạc; Văn bia dựng tại Lăng vua Lê Thái Tổ ở Lam Sơn, Thanh Hóa (Lam Sơn Vĩnh Lăng bi ) do Nguyễn Trãi soạn thảo khắc ghi tiểu sử và công lao to lớn của vị hoàng đế sang lập triều Lê, v..

Ngoài ra, tài liệu lưu trữ của các gia đình, dòng họ, đền miếu, chùa chiền, làng xã còn có vấn khắc (mộc bản ), các loại thư tịch. Mộc bản thường san khắc kinh Phật,các sự tích, văn thơ...để in thành kinh sách. Ở nước ta, việc in kinh sách bằng mộc bản có từ thời Lê sơ, vào thế kỷ 15, thủy tổ của nghề khắc- in mộc bản là Thám hoa Lương Như Hộc ở Hồng Lục, Hải Dương, nay là xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.Dưới thời Lê, việc in kinh Phật,các loại thư tịch, thơ phú , tranh bằng ván khắc đã khá phổ biến, nhưng phần lớn không được bảo tồn đến nay. Chẳng hạn, mộc bản bộ quốc sử Đại Việt sử ký toàn thư được khắc- in lần đầu năm Chính Hòa thứ 18 (1697 ) đời Lê Hy Tông đã bị mất mát từ lâu; trong số 3050 mộc bản- được san khắc từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 hiện được lưu trữ ở chùa Vĩnh Nghiêm, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang chủ yếu được san khắc trong thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20,số mộc bản san khắc từ cuối thế kỷ 17 trở về trước chỉ còn rất ít, đã bị mất mát nhiều. Đây là nguồn tư liệu gốc, độc bản, đa phần là kinh sách phản ánh quan điểm, tư tưởng về Phật giáo của Thiền phái Trúc Lâm, Yên Tử ( Thiền phái Trần Nhân Tông ). Do khối tài liệu mộc bản này có giá trị lớn về tư tưởng, văn hóa, lịch sử... nên ngày 6/5/2012 đã được UNESCO công nhận là Di sản tư liệu Ký ức thế giới khu vực châu Á-Tháí Bình Dương.

Có thể noi, một khối lượng tương đối lớn thư tịch Hán Nôm, trong đó có thư tịch Hán Nôm thời trước Nguyễn có giá trị về văn học, nghệ thuật, lịch sử... vốn được hình thành và lưu giữ trong dân gian đã đươc các cơ quan nghiên cứu và học thuật như Trường Viễn Đông bác cổ trước đây,Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Sử học, Thư viện Quốc gia...sưu tầm, thu thập và trở thành sở hữu của nhà nước. Ví dụ, Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện bảo quản đầu sách Hán Nôm. Điều đáng lưu ý là rất nhiều thư tịch đã không còn nguyên vẹn, bị rách nát hoặc có nhiều dị bản khó đoán định được bản nào là bản gốc,hoặc bản nào được sao chép sớm hơn. Ví như Truyện Kiều của Nguyễn Du có không ít hơn 20 dị bản.

Theo nghiên cứu của chúng tôi tài liệu thời các vương triều trước Nguyễn do gia đinh, dòng họ và các làng xã lưu giữ nhin chung ít tổn thất hơn bộ phận tài liệu hinh thành trong hoạt động của bộ máy nhà nước đương thời. Chẳng hạn, theo điều tra và thống kê của Trường Viễn Đông Bác Cổ 1938 thì các làng xã thuộc 22 tỉnh, thành phố từ Nghệ An trở ra đã bảo tồn được hàng nghìn bản thần tích và hàng vạn đạo sắc phong thần từ đời Trần đến đời vua Quang Toản nhà Tây Sơn.Bản sao một số loại văn bản và các số liệu thống kê vấn đề này của Trường Viễn Đông Bác Cổ hiện được lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Tuy nhiên các số liệu thống kê thời đó chắc chắn sẽ không còn đúng với tình hinh thực tế hiện nay. Bởi lẽ, từ thập niên 40 của thế kỷ 20 đến nay, đất nước ta đã trải qua nhiều biến động lịch sử. Các cuộc kháng chiến chống xâm lược liên tiếp diễn ra gay go, ác liệt và kéo dài trong nhiều năm, biết bao làng mạc, chùa chiền, miếu mạo bị tàn phá bởi đạn bom của kẻ thù; cộng thêm những sai lầm trong cải cách ruộng đất, bài trừ mê tín dị đoan...… Rát nhiều di ản văn tự nói chung, tài liệu lưu trữ thời các vương triều trước Nguyễn trong nhân dân, làng xã nói riêng tiếp tục bị mất mát, hủy hoại. Tiếc rằng, cho đến nay vẫn chưa được cơ quan quản lý lưu trữ nhà nươc và các cơ quan văn hóa hữu quan tiến hành điều tra thống kê số liệu cụ thể